

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 22/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Nhật Thành.

Bà Lâm Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 855/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Duy M, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2021, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 20/10/2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có ý kiến trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 26/01/2021 bà Huỳnh Thị Trúc L đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc H hỏi vay số tiền 150.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền bà L có viết biên nhận, sau đó đóng lãi được 02 tháng với số tiền 9.000.000đ rồi ngưng cho đến nay. Tiếp tục ngày 27/3/2021 bà L hỏi vay số tiền 50.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng, bà L nói vài ngày sẽ trả nên bà H không có làm biên nhận việc vay tiền. Từ khi vay cho đến nay, khi bà H cần lấy lại số vốn thì bà L cố tình trì hoãn không trả, bà H nhiều lần nhắc việc trả nợ nhưng đến nay vẫn không trả.

Đối với số tiền 50.000.000đ cho bà L vay do không có làm biên nhận, nên ngày 20/10/2021 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà L và ông M trả số tiền 50.000.000đ. Bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L cùng chồng là ông Trần Duy M phải trả số tiền vay 150.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 27/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 16/7/2021 bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày:

Bà Huỳnh Thị Trúc L thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc H 260.000.000đ, lãi suất cho vay dù cao nhưng bà L vẫn đóng đủ. Sau đó bà H lại cửa hàng bà L mua vật liệu xây dựng số tiền 110.000.000đ bà H nói trừ vào khoản tiền 260.000.000đ. Vào thời điểm cận tết bà L không xoay sở kịp trả thì bà H kêu bà L làm giấy nợ 150.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi bên ngoài, đã đóng lãi được 02 tháng và những lần đóng tiền lãi không có làm biên nhận. Nay bà L thừa nhận còn nợ lại bà H là 150.000.000đ nhưng do kinh tế đang gặp nhiều khó khăn nên bà L xin không đóng lãi và trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy M có bản tự khai thống nhất nội dung trình bày của bà Huỳnh Thị Trúc L, ông M thừa nhận vợ chồng còn nợ bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 150.000.000đ, nay đồng ý cùng bà L trả nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có mặt, bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy M vắng mặt, nên không thể tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được, do đó Tòa án nhân dân huyện T lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quan hệ tranh chấp tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự tiến hành hòa giải và tiếp cận, công khai, chứng cứ đúng quy định. Thu thập chứng cứ bằng các biện pháp xác minh đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của đương sự, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vi phạm quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Buộc bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 146.000.000đ và lãi suất phát sinh từ ngày 27/4/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà H đối với số tiền 50.000.000đ cho bà L vay ngày 27/3/2021. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M trả số tiền vay 150.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M có nơi cư trú ấp H, xã H, huyện T, tỉnh V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện T đã đưa bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy M tham gia tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, 70, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại các phiên họp, hòa giải nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nên không thể tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần

Duy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Huỳnh Thị Trúc L liên đới cùng Trần Duy M trả số tiền vay 150.000.000đ, tiền lãi từ ngày 27/3/2021 đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Nhận thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông M và bà L đều vắng mặt tuy nhiên có bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L và ông M thừa nhận ngày 26/01/2021 có vay bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 260.000.000đ để kinh doanh, lãi suất cho vay dù cao nhưng bà L vẫn đồng ý. Sau đó bà H lại cửa hàng bà L mua vật liệu xây dựng số tiền 110.000.000đ bà H nói trừ vào khoản tiền 260.000.000đ. Vào thời điểm cận tết bà L không xoay sở kịp trả thì bà H kêu bà L làm giấy nợ 150.000.000đ. Nay vợ chồng bà L thừa nhận còn nợ lại bà H là 150.000.000đ, xin không đóng lãi và trả dần mỗi tháng 2.000.000đ.

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy thực tế bà Huỳnh Thị Trúc L có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 150.000.000đ là sự thật được thể hiện qua biên nhận ngày 26/01/2021 (bút lục 03) và được thể hiện qua bản tự khai của bà L, ông M (bút lục 20, 27). Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H đối với việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Trúc L liên đới cùng ông Trần Duy M có trách nhiệm trả số tiền 150.000.000đ.

Ngày 20/10/2021 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà L và ông M trả số tiền vay 50.000.000đ. Việc rút đơn này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất, theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày bị đơn có đóng lãi được 02 tháng với số tiền là 9.000.000đ việc đóng lãi không có làm biên nhận. Bị đơn cũng thừa nhận có đóng lãi 02 tháng cho nguyên đơn. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tuy các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất 3% là cao hơn mức lãi suất được pháp luật quy định (20%/năm) nên việc bị đơn đóng lãi cho nguyên đơn 9.000.000đ/tháng/150.000.000đ là vượt 4.000.000đ so với quy định, số tiền 4.000.000đ này sẽ được trừ vào số tiền gốc 150.000.000đ – 4.000.000đ = 146.000.000đ.

Mặc khác, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 150.000.000đ tiền lãi từ ngày 27/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định, bị đơn xin trả nợ gốc và xin không đóng lãi. Như vậy, các bên không thống nhất được mức lãi suất cho vay nên mức lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi với mức lãi suất 10%/năm/146.000.000đ từ ngày 27/3/2021 đến ngày 22/11/2021 (07 tháng 26 ngày) là 9.565.000đ.

[4] Về án phí: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền vay 146.000.000đ và tiền lãi 9.565.000đ. Tổng cộng là 155.565.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số tiền vay 50.000.000đ.

Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Trần Duy M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.778.250đ. Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000đ theo biên lai thu số 0007074 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V, bà H liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Bảo Trân